

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN XUÂN LỘC
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **107/2017/HNGĐ-ST**

Ngày: 29-11-2017

V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN XUÂN LỘC**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Trần Trường Phát.

Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Phạm Đình Nam

2. Bà Nguyễn Thị Thủy

- Thư ký phiên tòa: Bà: Đinh Thị Hạ - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Xuân Lộc.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Xuân Lộc tham gia phiên tòa:

Bà Hoàng Thị Thanh Tâm - Kiểm sát viên.

Vào ngày 29 tháng 11 năm 2017, tại Tòa án nhân dân huyện Xuân Lộc xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 538/2017/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 10 năm 2017 về “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 116/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 13 tháng 11 năm 2017, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Hoàng Thị Mỹ D, sinh năm: 1995.

Địa chỉ: ấp L, xã X, huyện C, tỉnh Đồng Nai.

2. *Bị đơn:* Anh Bùi Nhật T, sinh năm: 1990.

Địa chỉ: ấp A, xã X, huyện X, tỉnh Đồng Nai.

(Chị Hoàng Thị Mỹ D và anh Bùi Nhật T vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện ngày 04 tháng 10 năm 2017 và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Hoàng Thị Mỹ D trình bày: trên cơ sở tự nguyện, chị và anh Bùi Nhật T tiến đến hôn nhân và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã X, huyện C, tỉnh Đồng Nai vào ngày 30 tháng 3 năm 2016. Đây là hôn nhân lần đầu của cả hai.

Cuộc sống chung vợ chồng không hạnh phúc, nguyên nhân do anh Bùi Nhật T ngoại tình, không chăm sóc cho vợ con và có thái độ hỗn láo với mẹ vợ.

Chị và anh Bùi Nhật T không còn chung sống với nhau từ tháng 5 năm 2016. Đến nay, tình cảm vợ chồng không còn, hôn nhân không thể tiếp tục tồn tại nên chị yêu cầu được ly hôn với anh Bùi Nhật T.

Về con chung: chị và anh Bùi Nhật T có 01 con chung là cháu Bùi Hoàng Anh K, sinh ngày 25 tháng 10 năm 2016. Khi ly hôn, chị yêu cầu được nuôi dưỡng con chung, yêu cầu anh Bùi Nhật T cấp dưỡng nuôi con hàng tháng là 2.000.000 đồng.

Về tài sản chung: chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: không có.

- Quá trình giải quyết vụ án bị đơn anh Bùi Nhật T trình bày: anh thống nhất với lời trình bày của chị Hoàng Thị Mỹ D về điều kiện, hoàn cảnh kết hôn con chung, tài sản chung và nợ chung. Cuộc sống chung của vợ chồng không có mâu thuẫn gì lớn, vợ chồng thường hay cãi nhau vì những chuyện nhỏ nhặt, chị Hoàng Thị Mỹ D đã bỏ về nhà mẹ ruột sống từ tháng 5 năm 2016 đến nay. Anh còn tình cảm với chị Hoàng Thị Mỹ D nên không đồng ý ly hôn. Trường hợp phải ly hôn, anh yêu cầu được nuôi dưỡng con chung là cháu Bùi Hoàng Anh K, không yêu cầu chị Hoàng Thị Mỹ D cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: không có.

- Ý kiến của Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Xuân Lộc: về việc tuân thủ pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và sự chấp hành pháp luật của các đương sự cơ bản đúng pháp luật. Về việc giải quyết vụ án: về quan hệ hôn nhân cho chị Hoàng Thị Mỹ D được ly hôn với anh Bùi Nhật T; về con chung, giao cho chị Hoàng Thị Mỹ D nuôi dưỡng, buộc anh Bùi Nhật T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung hàng tháng là 1.500.000 đồng; về tài sản chung và nợ chung không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ pháp luật: chị Hoàng Thị Mỹ D khởi kiện yêu cầu ly hôn anh Bùi Nhật T hiện đang cư trú tại ấp A, xã X, huyện X nên quan hệ pháp luật là “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*” và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Xuân Lộc.

[2] Về tư cách tham gia tố tụng: chị Hoàng Thị Mỹ D khởi kiện yêu cầu ly hôn anh Bùi Nhật T nên chị Hoàng Thị Mỹ D là nguyên đơn, anh Bùi Nhật T là bị đơn.

[3] Về thủ tục tố tụng: chị Hoàng Thị Mỹ D và anh Bùi Nhật T có đơn xin xét xử vắng mặt, nên xét xử vắng mặt chị Hoàng Thị Mỹ D và anh Bùi Nhật T tại phiên tòa là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[4] Về quan hệ hôn nhân: chị Hoàng Thị Mỹ Duyên và anh Bùi Nhật Trường tự nguyện tiến đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn theo luật định nên được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Chị Hoàng Thị Mỹ D cho rằng cuộc sống chung vợ chồng không hạnh phúc, nguyên nhân do anh Bùi Nhật T ngoại tình, không chăm sóc cho vợ con và có thái độ hỗn láo với mẹ vợ. Anh Bùi Nhật T thừa nhận vợ chồng có mâu thuẫn, thường hay cãi nhau chỉ vì những chuyện nhỏ nhặt nhưng anh Bùi Nhật T không đồng ý ly hôn.

Qua xem xét các tài liệu chứng cứ đã thu thập và được thẩm tra tại phiên tòa, xét thấy chị Hoàng Thị Mỹ D và anh Bùi Nhật T đều thừa nhận cuộc sống chung của vợ chồng anh chị không hạnh phúc và đã không còn chung sống với nhau từ tháng 5 năm 2016 đến nay. Hôn nhân của anh chị chỉ tồn tại trong khoảng thời ngắn và phát sinh nhiều mâu thuẫn, dẫn đến vợ chồng không thể tiếp tục chung sống. Thời gian không sống chung với nhau, anh chị không thể hòa giải hàn gắn tình cảm mà làm phát sinh thêm nhiều mâu thuẫn. Như vậy đã đủ cơ sở xác định tình trạng hôn nhân của chị Hoàng Thị Mỹ D và anh Bùi Nhật T mâu thuẫn đã thật sự trầm trọng không thể hàn gắn, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, do vậy nên chấp nhận cho chị Hoàng Thị Mỹ D được ly hôn với anh Bùi Nhật T là phù hợp.

[5] Về con chung: chị Hoàng Thị Mỹ D và anh Bùi Nhật T đều có yêu cầu được nuôi dưỡng con chung là cháu Bùi Hoàng Anh K, sinh ngày 25 tháng 10 năm 2016. Xét thấy, cháu Bùi Hoàng Anh K dưới 36 tháng tuổi nên giao cháu cho chị Hoàng Thị Mỹ D nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại khoản 3 Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình.

Chị Hoàng Thị Mỹ D yêu cầu anh Bùi Nhật T cấp dưỡng nuôi con hàng tháng là 2.000.000 đồng. Xét thấy, chị Hoàng Thị Mỹ D yêu cầu anh Bùi Nhật T cấp dưỡng hàng tháng với số tiền 2.000.000 đồng là vượt quá khả năng kinh tế của anh Bùi Nhật T nên chỉ chấp nhận mức cấp dưỡng nuôi con hàng tháng với số tiền là 1.500.000 đồng là phù hợp với khả năng kinh tế của anh Bùi Nhật T và điều kiện sống của cháu Bùi Hoàng Anh K tại địa phương.

[6] Về tài sản chung và nợ chung: chị Hoàng Thị Mỹ D và anh Bùi Nhật T trình bày không có nên không xem xét.

[7] Về án phí: chị Hoàng Thị Mỹ D phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Anh Bùi Nhật T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm do có nghĩa vụ cấp dưỡng định kỳ để nuôi con.

[9] Xét thấy, nhận định của Viện kiểm sát nhân dân huyện Xuân Lộc về việc giải quyết vụ án phù hợp với nhận định trên nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Điều 28, Điều 35, Điều 39 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự;
- Căn cứ Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84, Điều 110, Điều 116 và Điều 117 của Luật Hôn nhân gia đình;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

- Về quan hệ hôn nhân: chị Hoàng Thị Mỹ D được ly hôn với anh Bùi Nhật T.

- Về con chung: giao cháu Bùi Hoàng Anh K, sinh ngày 25 tháng 10 năm 2016 cho chị Hoàng Thị Mỹ D trực tiếp nuôi dưỡng đến đủ 18 tuổi và có khả năng lao động.

Anh Bùi Nhật T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung hàng tháng là 1.500.000 đồng (*Một triệu năm trăm ngàn đồng*).

Anh Bùi Nhật T được quyền thăm nom, chăm sóc con chung. Khi cần thiết, chị Hoàng Thị Mỹ D và anh Bùi Nhật T được quyền yêu cầu thay đổi việc nuôi con cũng như việc cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: không xem xét giải quyết.

- Về án phí: chị Hoàng Thị Mỹ D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*), nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*) theo biên lai thu số 000280 ngày 04 tháng 10 năm 2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Xuân Lộc, chị Hoàng Thị Mỹ D đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm. Anh Bùi Nhật T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*).

Chị Hoàng Thị Mỹ D và anh Bùi Nhật T được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày tròn kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND huyện Xuân Lộc;
- CCTHADS huyện Xuân Lộc;
- **UBND xã X;**
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu án văn;
- Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Trần Trường Phát